

BA CUỘC CÁCH MẠNG ĐÃ CHUẨN BỊ CON NGƯỜI CHO NỀN KINH TẾ TRI THỨC

Năm 2000 được đánh dấu là năm quan trọng của thế giới vì nó là bản lề của hai thiên niên kỷ thứ 2 và thứ 3, đồng thời cũng là của hai thế kỷ thứ 20 và 21. Riêng ở VN, có rất nhiều sự kiện lớn liên quan tới công cuộc phát triển của đất nước, trong đó điều đáng ghi nhận là mức tăng trưởng GDP từ 4,7% (năm 1999) nâng lên, 6,7% (2000) và thông tin về nền kinh tế tri thức cũng khá nổi cộm.

Đặc biệt, hai cuộc họp cấp cao về chủ đề kinh tế tri thức gây nhiều sự chú ý cho các giới quan tâm tới sự phát triển của đất nước. Cuộc hội thảo thứ nhất diễn ra trong hai ngày cuối tháng 6.2000 tại Hà Nội do Ban khoa giáo TW, Bộ khoa học, công nghệ và môi trường cùng với Bộ ngoại giao đã phối hợp tổ chức. Cuộc hội nghị thứ hai mang tính quốc tế được tổ chức giữa tháng 12.2000 tại Hà Nội với sự tham gia của ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB), chương trình phát triển LHQ (UNDP) và một số khách quốc tế khác, trong đó có báo cáo về "VN 2010 - tiến về thế kỷ 21" và đại diện Singapore có tham luận về "Chuyển dịch sang nền kinh tế tri thức" của nước này...

Có rất nhiều vấn đề đặt ra chung quanh chủ đề của cuộc họp mà trọng tâm là tìm hiểu về nền kinh tế tri thức, điều kiện và khả năng phát triển của VN mà vấn đề con người tri thức và chiến lược phát triển nhân lực được các đại biểu quan tâm hàng đầu.

Ngoài ra, cuộc hội thảo còn cho thấy nổi bật hai vấn đề:

Sự xuất hiện của nền kinh tế tri thức là cơ hội lớn để phát triển lực lượng sản xuất đi lên CNXH.

Công nghiệp hóa nước ta phải thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ: chuyển từ kinh tế nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp và kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức (theo Tạp chí *Công tác khoa giáo*, số 7.2000).

Qua hai hội nghị và từ vấn đề nổi bật thứ nhất, chúng tôi muốn đề cập trở lại "con người mới XHCN" và ba cuộc cách mạng có liên quan tới đường lối chung của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới đã được đề ra từ đại hội đảng IV (1976). Đó là "cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng - văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt".

Đường lối chiến lược về ba cuộc cách mạng và việc xây dựng con người mới này hoàn toàn phù hợp với chiến lược phát triển nhân lực trong giai đoạn mới của nền kinh tế tri thức. Chẳng những thế, đó còn là bước đi khởi đầu của 25 năm trước sau giải phóng miền Nam thống nhất đất nước nhằm chuẩn bị cho ngày hôm nay trong xu hướng hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới ở thời kỳ quá độ lên CNXH.

1. Con người và ba cuộc cách mạng:

Từ Nghị quyết TW IV (1976), chiến lược và mục tiêu để tiến hành thực hiện ba cuộc cách mạng quan hệ sản xuất, khoa học - kỹ thuật và tư tưởng - văn hóa đã được xây dựng cụ thể như trong cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất phải gắn liền với sự biến đổi của chế độ sở hữu với sự biến đổi của chế độ phân phối của tổ chức và kinh doanh, của hệ thống quản lý; trong cách mạng khoa học - kỹ thuật cần nắm vững khâu trung tâm là cơ khí hóa, ra sức xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân kỹ thuật, tích cực đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế và cán bộ KH - KT; và trong cách mạng tư tưởng - văn hóa là bồi dưỡng tư tưởng mới cho giai cấp công nhân và theo đúng lời dạy của Bác Hồ: "Muốn xây dựng CNXH trước hết cần có những con người XHCN", đó là từng bước xây dựng con người mới. Cách đây 25 năm, Nghị quyết IV đã chỉ rõ con người mới như sau:

Con người mới là con người có tư tưởng đúng và tình cảm đẹp, có tri thức, có thể lực để làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên và làm chủ bản thân.

Con người mới là con người lao động với tinh thần tự giác cao, với đầy đủ nhiệt tình cách mạng, trung thực, thực thà, quý trọng và bảo vệ của công, lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có sáng tạo và đạt năng suất cao.

Con người mới là con người có tình thương yêu sâu sắc đối với nhân dân lao động, biết đoàn kết, hợp tác giúp đỡ nhau trong lao động, hành động và xây dựng cuộc sống mới.

Con người VN là con người phát triển toàn diện, có cuộc sống tập thể và cuộc sống cá nhân hài hòa, phong phú...

Rồi kế hoạch 5 năm 1976 - 1980 về phát triển và cải tạo kinh tế, văn hóa, phát triển khoa học - kỹ thuật đã nhằm vào hai mục tiêu cấp bách, cơ bản: xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật và cải tiến một bước đời sống vật chất và văn hóa. Còn mục tiêu của công cuộc giáo dục là đào tạo có chất lượng tốt những người lao động mới, đào tạo và bồi dưỡng có quy mô ngày càng lớn đội ngũ công nhân kỹ thuật và cán bộ quản lý, cán bộ khoa học - kỹ thuật và nghiệp vụ.

Như vậy là cách đây 25 năm, ngay sau khi hòa bình lập lại trên cả nước Đảng đã đặt nền móng cho công cuộc phát triển khoa học - kỹ thuật và đào tạo con người tri thức nhằm đẩy mạnh và nâng cao trình độ của lực lượng sản xuất đồng thời sửa đổi quan hệ sản xuất phù hợp.

Qua tới Đại hội VIII (1996), chúng ta lại tiếp tục sự nghiệp đổi mới của Đại hội đổi mới VI (1986), đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Mục tiêu của CNH, HĐH là xây dựng đất nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ chế kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao. Từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp và lấy việc phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.

Chiến lược phát triển nguồn lực con người của chúng ta cho tới nay đã ghi nhận được kết quả như sau, nếu tính về giáo dục nhà trẻ tới đại học trong năm học 1999 - 2000:

- Nhà trẻ: 481.089
 - Mẫu giáo: 2.399.987
 - Tiểu học: 10.203.750
 - Trung học phổ thông: 1.940.606
 - Trung học cơ sở: 5.778.216
 - Trung học chuyên nghiệp: 250.000 (ước)
 - Trường dạy nghề: 250.000 (ước)
 - Đại học, cao đẳng: 729.629 (năm học 98 - 99)
- Còn về kết quả của việc đào tạo tính tới nay đạt được:
- Gần 2 triệu công nhân kỹ thuật (tỷ lệ người lao động qua đào tạo là 20%).
 - Công nhân có trình độ THPT (hết lớp 12) qua các năm 1976: 29,2%, năm 1985: 42,54% và năm 1999: 55% (Nguồn của TLĐLĐ VN).
 - Về số lượng học vị, học hàm:
 - Tốt nghiệp đại học, cao đẳng: gần 1 triệu người
 - Thạc sĩ: 10.000

Tiến sĩ: 11.127 (đa số chuyển từ PTS)

Tiến sĩ KH: 591

Phó giáo sư: 3.619

Giáo sư: 807

(Nguồn: Tạp chí Công tác khoa giáo, số 1.2001)

2. Nền kinh tế tri thức qua các thời kỳ và các đặc trưng của nó:

Như chúng ta biết, nền kinh tế sơ khai sản xuất hàng hóa của nền sản xuất xã hội đầu tiên ra đời từ sản xuất mang tính tự túc tự cấp xuất hiện vào thời kỳ tan rã của chế độ công xã nguyên thủy và lịch sử của công nghệ học bắt đầu với việc sử dụng các công cụ bằng đá của người tiền sử cách đây hàng triệu năm, còn nền văn minh nông nghiệp được bắt đầu với phát minh ra lưỡi cày ở thiên niên kỷ 4 trước công nguyên và nền văn minh công nghiệp chỉ cách đây 250 năm (1). Từ chế độ công xã nguyên thủy tới nay con người trải qua thêm 3 hình thái KT - XII nữa: chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa.

Theo Marx, sau phương thức sản xuất TBCN là phương thức XHCN và CSCN. Mỗi hình thái KT - XH quy định phương thức sản xuất của nó, kể cả chế độ nhà nước. Cứ mỗi lần chuyển từ hình thái này sang hình thái khác, lịch sử cho thấy nhất thiết phải xảy ra cuộc cách mạng của quần chúng lao động hay lực lượng công nhân vì khi đó lực lượng sản xuất đã phát triển lớn mạnh với trình độ cao mà quan hệ sản xuất không còn phù hợp.

Về quan điểm lịch sử, có hai kiểu sản xuất hàng hóa: sản xuất hàng hóa giản đơn của nông dân và thợ thủ công và sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa. Cả hai nền sản xuất đều có hai điều kiện đi theo sự phân công lao động và sự sở hữu tư liệu sản xuất. Tới thế kỷ 17, 18 thì CNTB ngày càng phát triển như vũ bão trên đường xã hội hóa nền sản xuất hàng hóa nhờ vào cuộc cách mạng công nghiệp (bắt đầu ở Anh) trong điều kiện sở hữu về tư liệu sản xuất và hàng hóa, kể cả hệ thống kinh tế và nhà nước. Và chỉ trong vòng hai thế kỷ, CNTB không ngừng điều chỉnh thêm bằng các hình thức mới từ thực dân, đế quốc đến độc quyền nhà nước và nay đang chuyển sang toàn cầu hóa. Có lẽ vì sự hài loại hình thái KT - XII thứ năm sẽ xảy ra như Marx tiên đoán và tránh né cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân do Lênin chỉ ra nên CNTB phải liên tục vừa điều chỉnh hướng ngoại để cạnh tranh làm chủ thế giới lại vừa phải hướng nội để dung hòa quyền lợi của giai cấp công nhân, thúc đẩy quá trình xã hội hóa sản xuất nhanh chóng bằng tích tụ và tập trung, tạo ra quá trình dân chủ hóa, bình đẳng và tiến bộ xã hội.

Đi đôi với cách mạng công nghiệp là cách mạng nông nghiệp và chính nhờ vào cách mạng công nghiệp mà nông nghiệp chuyển dịch cơ cấu phát triển. Do đó, nhiều quốc gia đã công nghiệp hóa nông thôn, thu hẹp dần khu vực sản xuất nông nghiệp hoặc cải tiến không ngừng sản xuất nông nghiệp bằng phương thức sản xuất công nghiệp và tiến bộ KH - KT. (1)

Sau cách mạng công nghiệp - nông nghiệp là cách mạng năng suất (bắt đầu từ F.Taylor TK 19 - 1881) cuộc cách mạng vận dụng tri thức vào sản xuất hàng hóa với các phương thức hợp lý hóa để làm tăng năng suất và năng suất lao động của công nhân, ngoài cơ khí còn cần tới lao động chân tay. Kể đó là cách mạng quản lý kể từ sau chiến tranh thế giới lần II (1945) tới nay. Cuộc cách mạng này nhằm vận dụng tri thức nhiều hơn trong quá trình tổ chức và quản lý với ứng dụng một số công nghệ điện tử lẫn sinh học mà công nhân áo trắng chiếm tỷ trọng lớn trong số áo xanh. Khi kết thúc thế kỷ 20 thì thế giới đã chuyển sang cách mạng công nghệ - thông tin. Phần lớn quá trình sản xuất hàng hóa đều sử dụng thành tựu của KH - KT tiên tiến, hiện đại tức là nền kinh tế được dẫn dắt bởi tri thức của người lao động và tri thức lúc này được coi như là một thứ tư liệu sản xuất và chính người lao động đã làm chủ nó.

Như vậy, phải chăng đường quá độ lên CNXH (hình thái KH - XII thứ 5) đã được cả thế giới điều chỉnh từ CNTB để thành ra nền kinh tế tri thức (có thể gọi là "hình thái KT - XH tri thức") một cách êm dịu và tất yếu? Từ đó, xét cho cùng, thế giới đang có một nền sản xuất hàng hóa cấp cao thuộc về xã hội XHCN.

Cho tới nay, người ta coi tri thức là tài sản bao gồm danh tiếng, uy tín, các hệ thống tổ chức nhân sự và quản lý hành chính, tri thức và kinh nghiệm của công nhân viên chức có kỹ năng. Người ta phân chia ba loại tri thức:

Tri thức về môi trường (thông tin, thị trường, công nghệ...)

Tri thức về doanh nghiệp (danh tiếng, thương hiệu, quảng cáo...)

Tri thức về nội bộ (văn hóa doanh nghiệp, đạo lý, cơ sở dữ liệu, bí quyết của công nhân viên, của doanh nghiệp...)

Về bản chất, nền kinh tế tri thức là nền kinh tế mà tri thức của người lao động và quản lý được sử dụng cao nhất để tạo ra của cải vật chất, vật tư nguyên liệu và máy móc thiết bị với chất lượng cao của nền sản xuất xã hội bậc cao hơn hẳn từ trước tới nay theo xu hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa toàn cầu. Đặc trưng của nó là có sự chuyển đổi to lớn, sâu sắc về cơ cấu kinh tế, phát triển nhanh các ngành kinh tế dựa vào tri thức, sản xuất công nghệ mới, vi sinh học trở thành loại hình sản xuất quan trọng nhất, tiên tiến nhất với ứng dụng công nghệ thông tin rộng rãi trong mọi lĩnh vực.

Ông Ngô Quý Tùng trong tác phẩm *Kinh tế tri thức* (NXB KH - KT Bắc Kinh 1998), đã liệt kê được 14 đặc trưng chủ yếu của nền kinh tế dùng tri thức để so sánh với các nền kinh tế sử dụng sức lao động và tài nguyên, như sau:

Số TT	Những đặc trưng	Kinh tế sức người (hay nông nghiệp)	Kinh tế tài nguyên (hay công nghiệp)	Kinh tế tri thức (hay công nghệ cao)
1	Vai trò nghiên cứu khoa học	Ít	Nhiều	Rất nhiều
2	Tỷ lệ kinh tế cho nghiên cứu khoa học/GDP	Dưới 3%	1 - 2%	Trên 3%
3	Tỷ lệ đóng góp của KH - CN cho tăng trưởng kinh tế	Dưới 10%	Trên 40%	Trên 80%
4	Vai trò của giáo dục	Nhỏ	Lớn	Rất lớn
5	Tỷ lệ kinh phí giáo dục/GDP	Dưới 1%	2 - 3%	6 - 8%
6	Trình độ văn hóa bình quân	Mức tiêu học và còn tỷ lệ mù chữ	Mức trung học	Mức trung, đại học và cao hơn
7	Kết cấu các ngành công nghệ: - Công nghệ thông tin - Công nghệ sinh học - Công nghệ năng lượng tái sinh và năng lượng mới - Công nghệ biển - Công nghệ sạch - Công nghệ vật liệu mới - Công nghệ không gian - Công nghệ mềm	Không có - - - - - - -	3% 2% 2% 1% 1% không không	Trên 15% 10% 10% 5% 5% 5% 5%
8	Kết cấu sức lao động: - Nông nghiệp - Công nghiệp - Công nghệ cao	Trên 50% 15 - 20% không	10 - 20% trên 30% 10 - 15%	Dưới 10% Dưới 20% Trên 40%
9	Tuổi thọ	36	60 - 70	Trên 70
10	Tỷ lệ tăng dân số	Cao	Thấp	Rất thấp
11	Mức độ đô thị hóa	25%	70%	Hai thấp dưới 70%
12	Vai trò của truyền thông	Không lớn	Lớn	Rất lớn
13	Trình độ tổ chức xã hội	Đơn giản	Phức tạp	Rất phức tạp
14	Mức độ toàn cầu hóa kinh tế thế giới	Thấp	Khả cao	Rất cao

(Nguồn: Tạp chí Công tác khoa giáo, số 7.2000)

3. Mô hình nào đào tạo con người cho nền kinh tế tri thức

Tri thức của loài người nói chung được hình thành nổi bật nhất trên nền tảng của ba cuộc cách mạng công nghiệp đã nói ở trên. Và nói theo Marx, mỗi hình thái KH - XH quy định một phương thức sản xuất mà trong đó, tri thức là yếu tố quyết định cho phương thức sản xuất. Tri thức con người ở thời kỳ công xã nguyên thủy còn sơ khai và tới thời kỳ công nghệ - thông tin thì đã đạt đến trình độ khá cao và ngày càng tiếp tục phát triển cao

hơn theo quá trình vòng tròn xoắn ốc của khoa học.

Ngày nay, tri thức có thể được điều chế hóa và có thể sao chép như khi chúng được truyền đi bằng chương trình vi tính (phần mềm) hoặc chúng có thể ở dạng ảnh và không thể sao chép như khi chúng tồn tại trong đầu óc của các cá nhân hoặc trong các chu kỳ hoạt động của doanh nghiệp. Nhưng tri thức không ẩn trong các hàng hóa, dịch vụ mà thể hiện trong quá trình tạo ra hàng hóa, dịch vụ. Xã hội càng văn minh, tiến bộ thì càng đòi hỏi sản phẩm hàng hóa, dịch vụ cao cấp hơn cho nên tri thức phải được cập nhật và bổ sung luôn.

Công tác giáo dục và đào tạo chịu trách nhiệm thực hiện vai trò trọng yếu này: phát triển nguồn nhân lực. Hơn nữa, trong các nền kinh tế tri thức, tốc độ nhanh chóng của sự thay đổi công nghệ khiến cho tri thức nhanh chóng hao mòn, cũ kỹ nên con người phải liên tục học tập để không ngừng cập nhật tri thức mới suốt cả đời. Câu nói trở thành châm ngôn của Lênin rất có ý nghĩa trong thời đại của nền kinh tế tri thức là "học, học nữa, học mãi".

Người ta nhận xét rằng cứ 7 năm tri thức trong xã hội lại tăng lên gấp 2 lần trong khi ở lĩnh vực kỹ thuật thì một nửa những điều học tập trong năm đầu của sinh viên ở đại học sẽ trở nên lạc hậu tới khi họ tốt nghiệp ra trường. Có thể, sau 5 năm học tri thức chỉ còn lại chưa tới 1/2 coi là phù hợp với xã hội lúc được cấp bằng. Như vậy, nếu sau khi ra trường mà không được bổ sung tiếp tục thì không mấy chốc tri thức ấy không còn giá trị bao nhiêu so với mảnh bằng trong tay. Cách đây 45 năm, Thủ tướng Phạm Văn Đồng trong bài nói chuyện tại Đại hội thi đua của ngành đại học và trung học chuyên nghiệp đã nhắc nhở: "Nhà trường lập ra là để cấp cho học sinh một cái bằng và khi cấp được 80 - 90% thì coi như đã làm tròn trách nhiệm. Học sinh được cái bằng bỏ túi, dùng cái bằng làm việc này việc nọ thì cũng coi như là xong việc. Nhưng không phải thế...ta phải học rất nhiều. Ta cần phải học, học ở nhà trường chỉ là một giai đoạn trong suốt quá trình học tập lâu dài." (*Sự nghiệp giáo dục trong chế độ XHCN*, NXB Sự thật 1979, trang 97).

Nói chung, tri thức luôn luôn phải được cập nhật hóa, được lưu giữ nhưng cũng bị nhanh chóng hao mòn và bị lỗi thời nên phải được khấu hao như tài sản cố định để sửa chữa lớn, bổ sung mới. Và ai sử dụng nó thì phải trả tiền tương xứng với hiệu quả đạt được theo cơ chế thị trường với thị trường lao động.

Giáo dục ở học đường chính là mô hình giáo dục có hệ thống và hoàn hảo nhất để kiến tạo tri thức cho con người. Nhìn vào nền giáo dục của một nước cũng như nhìn vào mỗi bậc học mà người ta đánh giá được trình độ tri thức của một người đã kinh qua bậc học đó. Tri thức cũng có thể hình thành từ kinh nghiệm cuộc sống hay tích lũy được do làm việc lâu trong ngành kỹ thuật nào đó. Nhưng giáo dục nhà trường vẫn là quan trọng nhất. Và việc quan trọng hơn là thuộc về nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy và điều kiện của môi trường học tập. Về việc này, cựu Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng đã chỉ rõ: "Trong công tác giáo dục, phải thấy sự liên quan mật thiết giữa nội dung và phương pháp dạy học. Việc kết hợp nội dung và phương pháp dạy học phải được thể hiện trong chương trình, trong hệ thống bài giảng, trong toàn bộ sinh hoạt của trường. Trong lúc khoa học, kỹ thuật thay đổi, phát triển thì giáo dục cũng phải thay đổi, phát triển. Nội dung có thể thay đổi và phương pháp thì nên thay đổi nhiều hơn, mau hơn. Bây giờ trên thế giới, người ta đang suy nghĩ nhiều chuyện về phương pháp và nội dung giáo dục..." (sách đã dẫn, trang 142, 143).

Đã 45 năm qua đi, Thủ tướng Phạm Văn Đồng không còn nữa và sự nghiệp giáo dục vẫn cứ biến động và phải cải cách luôn luôn mặc dù mỗi năm một thành quả của nó vẫn được gặt hái. Nhưng hiện nay, công tác giáo dục và đào tạo chính quy vẫn còn đang tiếp tục bất ổn và nhiều khê từ chương trình, nội dung đến chất lượng giảng dạy, nhất là chuyện thi cử và cấp bằng. Nếu kiểm tra, thanh tra cứ phát hiện ra nhiều bằng cấp giả, người giả được cấp bằng thật, kể cả bằng tiến sĩ cũng bị thu hồi thì liệu xã hội có an tâm với việc phát triển nguồn nhân lực cho nền kinh tế tri thức? Với số lượng người có bằng cấp đại học, sau đại học tuy còn là con số khiêm nhường so với trên

70 triệu đồng bào trong cả nước nhưng cũng rất đáng tự hào sau 25 năm thống nhất đất nước có được "một nền giáo dục hoàn toàn VN" (câu nói trong ngoặc là của GS.VS Phạm Minh Hạc, *Tạp chí Công tác khoa giáo* số 1.2000, trang 10).

Hiện nay, công tác giáo dục học đường từ cấp trung tiểu học tới sau đại học còn đang được bàn cãi và nghiên cứu rất náo nhiệt chưa biết ngã ngũ ra sao để có một mô hình cho chu tất khả dĩ phù hợp với thời đại đang diễn ra nền kinh tế tri thức.

Chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy không chỉ được quan tâm ở các trường đào tạo chính quy mà còn ở các trung tâm dạy nghề hay các trường dạy nghề ngắn hạn. Nếu cứ chạy theo số lượng thì chắc không thể đào tạo được các công nhân kỹ thuật có tay nghề vững vàng được hầu đáp ứng cho nền kinh tế tri thức, huống hồ khi đó trình độ chỉ ở cấp tiểu học hay phổ thông trung học được học tập theo lối bổ túc hay thường xuyên. Chúng ta hiện có số lượng 2 triệu công nhân (qua đào tạo chỉ có 20%), mà theo thống kê của Tổng liên đoàn lao động VN chỉ có 55% đạt trình độ lớp 12, nếu như không được bồi dưỡng hay đào tạo lại một thời gian nữa để cập nhật kiến thức mới về học lực cũng như kỹ thuật thì cũng thấy không ổn cho lắm.

"Trước kia, chỉ sau vài tháng đào tạo, người ta có thể kiếm được mức thu nhập trung lưu. Ngày nay, cơ hội đó không còn nữa. Người ta cần có tri thức được đào tạo chính quy." (*Nền kinh tế tri thức: nhận thức và hành động*, NXB thống kê I Hà Nội 2000).

Chúng ta không nên vì muốn đáp ứng nhanh yêu cầu của thị trường mà tổ chức giáo dục, đào tạo cập rập "không đủ mà cũng không chuyên", chỉ vụ về số lượng mà thiếu chất lượng cũng không ổn chút nào, nhất là về kỹ thuật, nghiệp vụ và ngoại ngữ.

Chỉ thị số 58 - CT/TW ngày 17.10.2000 của Bộ chính trị đã nhận định: "Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ở nước ta nhằm góp phần giải phóng sức mạnh vật chất, trí tuệ và tinh thần của toàn dân tộc, thúc đẩy công cuộc đổi mới, phát triển nhanh và hiện đại hóa các ngành kinh tế..." Từ đó, chỉ thị đã nêu rõ: "Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giáo dục và đào tạo ở các cấp học, bậc học, ngành học. Phát triển các hình thức đào tạo từ xa phục vụ cho nhu cầu học tập của toàn xã hội..."

Chỉ thị trên cũng đã bổ sung thêm cho nội dung chương trình giáo dục, đào tạo của các bậc học hiện nay. Nhưng làm cách nào để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, nhất là ở bậc đại học và sau đại học? Nhiều người góp ý là nên sử dụng bộ tiêu chuẩn ISO 9000 vì nó đã được nhiều trường đại học trên thế giới áp dụng có kết quả như ở Anh, Mỹ, Canada, Nam Phi, Nhật Bản và trong khu vực có Malaysia, Singapore...

Hồi cuối năm 1999, Thủ tướng Phạm Văn Khải đã chỉ thị sớm đưa hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000 vào các cơ quan quản lý nhà nước.

Bộ tiêu chuẩn ISO 9000 là một hệ thống tiêu chuẩn quốc tế về quản lý chất lượng gồm 24 tiêu chuẩn, hướng dẫn các doanh nghiệp và các tổ chức công ích xây dựng hệ thống quản lý nhằm đảm bảo tính ổn định chất lượng cho sản phẩm, dịch vụ, kể cả cơ quan quản lý và giáo dục. Ở nước ta có TCVN ISO 9000 - 9001 - 9002 - 9003.

Như vậy, ISO 9000 rất cần thiết cho công tác quản lý giáo dục đại học trong thời kỳ đang diễn ra nền kinh tế tri thức và toàn cầu hóa. Các trường đại học nước ta cần có các biện pháp quản lý đúng để nâng cao chất lượng đào tạo và dĩ nhiên nó phải thông qua nhiều khâu về tiêu chuẩn và thủ tục thực hiện mà các cơ quan quản lý cấp cao về giáo dục, đào tạo có trách nhiệm chỉ đạo và hướng dẫn cụ thể để bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng. Nếu các doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận áp dụng ISO thì các trường đại học cũng có giấy chứng nhận tương tự để có điều kiện hội nhập vào khu vực và thế giới thuận lợi trong thời đại của nền kinh tế tri thức ■

(1) *History of Technology*, - Grolier Electimic Publishing, Inc. 1993.

(2) *Industrial Revolution*, Grolier Interactive Inc 1998.